

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21-3-2024
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Duyên và bà Hoàng Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Q**, sinh năm 1996, HKTT: **Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**; chỗ ở hiện nay: **TDP Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc**, có mặt

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1997, địa chỉ: **Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị **Trần Thị Q** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Thanh H** kết hôn với nhau ngày 14/11/2017, trước khi cưới có tìm hiểu, có đăng ký tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh **H** tại **thôn M, xã H, huyện T**. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận

hạnh phúc tháng 8/2020 do sinh mâu thuẫn nguyên nhân không tương nhau, hội đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát. Tháng 3 năm 2023 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị Q về sống cùng bố mẹ đẻ chị ở TDP Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, sống ly thân, không quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau từ đó cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Trung K, sinh ngày 18/9/2017, hiện cháu đang ở cùng anh H. Ly hôn, chị đề nghị để anh H nuôi cháu K và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án không ghi nhận được quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Q, cho chị Trần Thị Q ly hôn anh Nguyễn Thanh H. Về con chung: Giao cho anh H nuôi dưỡng cháu K, chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh H, anh H có nơi cư trú tại xã H, huyện T. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Thanh H, mặc dù anh H có mặt tại địa phương và biết việc chị Q xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Tam Dương nhưng anh H không đến Tòa án để làm việc. Anh H cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Thanh H kết hôn với nhau ngày 14/11/2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì nảy sinh nhiều bất đồng, không tin tưởng nhau, từ tháng 3/2023 đến nay anh chị sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần đến làm việc, mặc dù anh H biết việc chị Q xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Tam Dương nhưng cố tình trốn tránh, không hợp tác, không đến Tòa làm việc, gây khó khăn cho chị Q và Tòa án, thể hiện anh H không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy hôn nhân giữa chị Q và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Q xin ly hôn anh H là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Q và anh H có 01 con chung là Nguyễn Trần Trung K, sinh ngày 18/9/2017, nay đang ở cùng anh H. Ly hôn chị Q đồng ý để anh H tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H 2.000.000đồng/tháng. Xét thấy anh H có nghề nghiệp và có thu nhập, đủ điều kiện để tiếp tục nuôi con chung. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu K cần giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị Q đối với cháu K.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức: Chị Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Q phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Trần Thị Q** ly hôn anh **Nguyễn Thanh H**.

2. Về con chung: Giao cho anh **Nguyễn Thanh H** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Trần Trung K**, sinh ngày 18/9/2017. Chị **Q** cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 4/2024 đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh **Nguyễn Thanh H** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị **Trần Thị Q** không thanh toán số tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng nêu trên, thì chị **Q** phải chịu lãi suất phát sinh trên số tiền chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị **Trần Thị Q** phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai tiền tạm ứng án phí số: 0001518 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương. Chị **Q** còn phải nộp 300.000đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã Hoàng Lâu, huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Hoàng